TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2025/DS-PT
Ngày 18 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 324/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị L, sinh năm 1976.

Căn cước công dân số: 09617600****, cấp ngày 09/11/2022.

Địa chỉ: Số 233, đường N, phường T, tỉnh Cà Mau.

(Địa chỉ trước đây: Số 233, đường N, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Tô Hồng P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, phường H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Công ty Luật Vạn Phát, đường N, khóm 20, phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Biện Thanh D, sinh năm 1955.

Căn cước công dân số: 09605500****, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ: Số 41-43, đường N4, khu đô thị T, ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Số 41-43, đường N4, khu đô thị T, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Vũ Văn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 233, đường N, phường T, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Số 233, đường N, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của anh Vũ Văn H: Chị Tô Hồng P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, phường H, tỉnh Cà Mau (Địa chỉ trước đây: Ấp Cái Ngang, xã Hòa Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau) (có mặt)

- *Người kháng cáo:*

1. Chị Võ Thị L – Nguyên đơn.

2. Anh Vũ Văn H – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Tô Hồng P trình bày:* Ngày 15/9/2022 vợ chồng chị Võ Thị L, anh Vũ Văn H với ông Biện Thanh D có ký hợp đồng đặt cọc để nhận chuyển nhượng nhà đất thửa số 447, tờ bản đồ số 13, diện tích 161,4m² tọa lạc tại số 163 – 165, đường 3/2, khóm 8, phường 5, thành phố C với giá 13.700.000.000 đồng. Theo hợp đồng các bên thỏa thuận chia làm 04 đợt thanh toán, cụ thể: Sau khi ký hợp đồng thanh toán 700.000.000 đồng, đợt hai ngày 25/9/2022 thanh toán 4.000.000.000 đồng, đợt ba ngày 31/12/2022 thanh toán 5.000.000.000 đồng, đợt bốn ngày 15/3/2023 thanh toán 4.000.000.000 đồng. Sau đó các bên có thỏa thuận điều chỉnh lại thời gian thanh toán bằng lời nói, thời gian thỏa thuận thanh toán sau cùng vào ngày 31/12/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Lan và anh Hiền đã thanh toán cho ông D tổng cộng 2.395.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 16/9/2022 thanh toán 700.000.000 đồng, ngày 17/11/2022 thanh toán tổng cộng 1.695.000.000.000 đồng (lần một 50.000.000 đồng, lần hai 820.000.000 đồng, lần ba 825.000.000 đồng). Các lần chị Lan và anh Hiền thanh toán đều giao tiền mặt cho ông D, ông D đều có ký tên vào văn bản nhận tiền.

Do chưa đến thời gian thỏa thuận thanh toán sau cùng vào ngày 31/12/2024 nhưng ông D chuyển nhượng nhà và đất nêu trên cho người khác mà không chuyển nhượng nhà đất cho chị Lan và anh Hiền. Vì vậy, chị Lan yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng nhà đất lập ngày 15/9/2022 giữa ông Biện Thanh D với chị Võ Thị L và ông Vũ Văn H là vô hiệu, do chị Lan cũng có phần lỗi nên buộc ông D trả lại cho chị Lan ½ số tiền ông D đã nhận bằng 1.197.500.000 đồng, ngoài ra chị Lan không yêu cầu gì khác.

- *Quá trình giải quyết vụ án ông Biện Thanh D là bị đơn trình bày:* Ông D thừa nhận ngày 15/9/2022, ông D có ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng nhà đất thửa số 447, tờ bản đồ số 13, diện tích 161,4m² tọa lạc tại số 163 – 165, đường 3/2, khóm 8, phường 5, thành phố C cho vợ chồng chị Võ Thị L và anh Vũ Văn H, về giá trị chuyển nhượng, thỏa thuận thời hạn thanh thanh và số tiền từng đợt thanh toán đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, việc đại diện nguyên đơn cho rằng các bên có thỏa thuận điều chỉnh lại thời gian thanh toán bằng lời nói, thời gian thỏa thuận thanh toán sau cùng vào ngày 31/12/2024 là không có, không đúng.

Sau khi ký hợp đồng ông D có nhận của chị Lan tổng số tiền 750.000.000 đồng, khi nhận tiền có làm biên nhận, cụ thể: Ngày 16/9/2022 nhận 700.000.000 đồng, ngày 17/11/2022 nhận 50.000.000 đồng.

Đối với hai biên nhận thể hiện ngày 17/11/2022 ông nhận của chị Lan số tiền 820.000.000 đồng và 825.000.000 đồng, ông thừa nhận đây là chữ ký của ông, tuy nhiên thực tế ông D không nhận số tiền trên.

Do chị Lan và anh Hiền vi phạm hợp đồng không thanh toán tiền cho ông đúng hạn nên ông đã chuyển nhượng căn nhà và đất tọa lạc số 163-165 đường 3/2, khóm 8, phường 5, thành phố C cho người khác, vì vậy, ông D không đồng ý trả lại tiền đã nhận của chị Lan.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 205/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau) đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị L về việc tuyên bố "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" ngày 15/9/2022 vô hiệu và buộc ông Biện Thanh D phải trả lại cho chị Võ Thị L 1.197.500.000 đồng.

Huỷ bỏ "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" ngày 15/9/2022 giữa ông Biện Thanh D với chị Võ Thị L, anh Vũ Văn H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn chị Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lan, anh Hiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Võ Thị L và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lan yêu cầu tuyên "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" lập ngày 15/9/2022 vô hiệu, buộc ông D trả cho chị Lan ½ số tiền nhận cọc bằng 1.197.500.000 đồng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau) thụ lý giải quyết vụ án là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền.

[1.2] Ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 03/7/2025 nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn quy định, đã nộp tạm ứng án phí đúng quy định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Do suốt quá trình giải quyết vụ án trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, các bên đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

[1.4] Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ngày 15/9/2022 ông Biện Thanh D với vợ chồng chị Võ Thị L, anh Vũ Văn H có ký "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất", đối tượng hợp

đồng là nhà đất tọa lạc số 163-165 đường 3/2, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đây là các tình tiết, sự kiện được ông Biện Thanh D, chị Võ Thị L, anh Vũ Văn H thống nhất thừa nhận nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ nội dung "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" ngày 15/9/2022 thể hiện các bên thống nhất giá trị chuyển nhượng nhà đất là 13.700.000.000 đồng, thời hạn thanh toán chia làm 04 đợt, cụ thể: Sau khi ký hợp đồng đặt cọc trước 700.000.000 đồng, đợt hai ngày 25/9/2022 thanh toán 4.000.000.000 đồng, đợt ba ngày 31/12/2022 thanh toán 5.000.000.000 đồng, đợt bốn ngày 15/3/2023 thanh toán 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã nhiều lần thỏa thuận điều chỉnh lại thời gian giao tiền. Dù về mặt hình thức hợp đồng có tên gọi "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" nhưng qua kiểm tra nội dung và sự thừa nhận của các bên đương sự thể hiện các bên thỏa thuận sau khi giao đủ tiền cọc theo giá trị hợp đồng các bên mới tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên theo quy định, do đó, cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng đặc cọc là có căn cứ.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Lan cho rằng chưa đến thời hạn thỏa thuận giao tiền cọc sau cùng vào ngày 31/12/2024 nhưng ông D đã chuyển nhượng nhà đất cho người khác mà không chuyển nhượng cho chị Lan và anh Hiền là vi phạm thỏa thuận nên chị Lan yêu cầu tuyên "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" lập ngày 15/9/2022 vô hiệu, buộc ông D trả lại cho chị Lan ½ số tiền nhận cọc bằng 1.197.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông D thừa nhận chỉ nhận của chị Lan 750.000.000 đồng và ông D không đồng ý trả lại số tiền này vì ông cho rằng chị Lan và anh Hiền vi phạm không giao tiền đúng hạn cho ông D theo thỏa thuận tại "Giấy thỏa thuận thời gian trả tiền" đề ngày 17/11/2022.

[5] Xét thời gian giao tiền cọc: Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình thực hiện hợp đồng các bên có nhiều lần bàn bạc thống nhất điều chỉnh thời gian giao tiền, ông D xác định các lần điều chỉnh thời gian đều lập thành văn bản, lần lập văn bản thỏa thuận sau cùng vào ngày 17/11/2022 trong đó có thể hiện nội dung đến ngày 15/12/2022 chị Lan và anh Hiền giao 2.000.000.000 đồng, ngày 30/12/2022 giao 2.000.000.000 đồng. Phía chị Lan và anh Hiền xác định ngoài lần lập văn bản thỏa thuận vào ngày 17/11/2022 như ông D trình bày, các bên có thỏa thuận bằng lời nói về thời hạn giao tiền hạn cuối vào ngày 31/12/2024. Như vậy, chị Lan, anh Hiền có nghĩa vụ phải chứng minh có việc thỏa thuận bằng lời nói xảy ra. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời trình bày thì chị Lan và anh Hiền không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh có thỏa thuận bằng lời nói, trong khi ông D không thừa nhận việc thỏa thuận thời hạn giao tiền hạn cuối vào ngày 31/12/2024, do đó, không có cơ sở kết luận thời hạn cuối mà các bên đã thỏa thuận giao tiền là vào ngày 31/12/2024. Căn cứ vào "Giấy thỏa thuận thời gian trả tiền" ngày 17/11/2022 có xác nhận của ông D và chị Lan, do đó, cấp sơ

thẩm kết luận các bên đã thống nhất thỏa thuận lại thời hạn cuối giao tiền là vào ngày 30/12/2022 là có cơ sở, đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện.

[6] Xét thời gian chị Lan giao tiền cho ông D theo các biên nhận nhận tiền, đối chiếu với thỏa thuận thời hạn giao tiền tại "Giấy thỏa thuận thời gian trả tiền" thể hiện các ngày 15/12/2022 và 30/12/2022 chị Lan và anh Hiền đều không thực hiện việc giao tiền cho ông D. Do đó, chị Lan và anh Hiền đã vi phạm thỏa thuận nên lỗi thuộc về chị Lan và anh Hiền. Đến ngày 28/3/2024 ông D ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tọa lạc tại số 163-165 đường 3/2, khóm 8, phường 5, thành phố C cho người khác là không vi phạm thỏa thuận, ông D không có lỗi. "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" ngày 15/9/2022 đã được các bên ký kết hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định. Do chị Lan và anh Hiền vi phạm hợp đồng, ông D không có lỗi nên việc chị Lan yêu cầu buộc ông D trả lại 1.197.500.000 đồng tiền đặt cọc là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét kháng cáo của chị Lan, anh Hiền yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lan, anh Hiền: Như đã nhận định trên, đủ căn cứ xác định chị Lan, anh Hiền đã vi phạm thời gian trả tiền cọc nên anh Danh chuyển nhượng nhà đất cho người khác là không có lỗi, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, chị Lan và anh Hiền không cung cấp thêm chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh chị nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lan, anh Hiền.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lan cung cấp thêm nhân chứng ông Nguyễn Hoàng Thại là nhân viên của công ty của chị Lan, theo chị Lan thì ông Thại có chứng kiến việc chị trả số tiền 825.000.000 đồng cho ông D và ông D hứa hẹn viết giấy hẹn và điều chỉnh thời gian trả tiền tiếp theo, tuy nhiên, anh Thại là nhân viên của công ty chị Lan, lời khai của anh Thại không đảm bảo tính khách quan. Ngoài ra, chị Lan và anh Hiền không cung cấp thêm chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh chị nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Hiền và chị Lan.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau), như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[10] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, như đã nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

[11] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của chị Lan và anh Hiền nên chị Lan và anh Hiền phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn chị Võ Thị L; Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 205/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau).

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị L về việc tuyên bố "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" ngày 15/9/2022 vô hiệu và buộc ông Biện Thanh D phải trả lại cho chị Võ Thị L 1.197.500.000 đồng.

2. Hủy bỏ "Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất" ngày 15/9/2022 giữa ông Biện Thanh D với chị Võ Thị L, anh Vũ Văn H.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí không có giá ngạch chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng. Án phí có giá ngạch chị Võ Thị L phải chịu 47.850.000 đồng. Ngày 14/11/2024 chị Lan đã dự nộp 29.100.000 đồng theo biên lai số 0009695 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau) được đối trừ, chị Lan phải nộp tiếp 19.050.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Võ Thị L, anh Vũ Văn H mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Lan, anh Hiền mỗi người đều đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000323 và 0000324 cùng ngày 03/7/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa PT TATC tại Tp. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 1 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt